

Bản án số: 29/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 26-8-2025.

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tăng Ngọc Châu.

2. Ông Bùi Anh Đức.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Gia An - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ.

Ngày 26 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 205/2025/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 6 năm 2025 về tranh chấp: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 40A/2025/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trương Thị T, sinh ngày 06/3/1990 (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Đ, xã T, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* Anh Liêu S, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: khóm W, phường V, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/3/2025, đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 23/7/2025 nguyên đơn là chị Trương Thị T trình bày: Chị Trương Thị T và anh Liêu S chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện T, tỉnh An Giang ngày 26/10/2012. Quá trình chung sống vợ chồng có với nhau được một người con chung tên Liêu Vĩ H (nam), sinh ngày 03/9/2009 hiện đang sống chung với anh Liêu S.

Do vợ chồng không cùng quan điểm sống nên cuộc sống hôn nhân không thể tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên vợ chồng không sống chung với nhau từ năm 2015 đến nay. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Chị Trương Thị T yêu cầu được ly hôn với anh Liêu S.
- Về con chung: Chị Trương Thị T đồng ý giao cho anh Liêu S được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Liêu Vĩ H (nam), sinh ngày 03/9/2009 cho đến khi cháu H thành niên, chị T không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trương Thị T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Đối với bị đơn anh Liêu S: Trong quá trình giải quyết vụ án anh Liêu S không có ý kiến gì và cũng không yêu cầu phản tố.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Chị Trương Thị T khởi kiện, yêu cầu ly hôn với anh Liêu S. Yêu cầu của chị T được pháp luật điều chỉnh tại các Điều 51, Điều 56 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Trương Thị T vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Liêu S vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do. Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Liêu S nhưng anh Liêu S không có ý kiến gì nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh Liêu S theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị T và anh Liêu S có đăng ký kết hôn vào ngày 26/10/2012, do bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Chị T và anh Liêu S đã ly thân từ năm 2015 đến nay. Nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp là do trước đây vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nên đã ly thân nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án anh Liêu S không có ý kiến gì phản đối về hôn nhân và con chung. Xét thấy, mối quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn đã thật sự tan vỡ, không còn khả năng hàn gắn, đoàn tụ. Bởi lẽ, theo đơn trình bày của nguyên đơn và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã đủ cơ sở để xác định cuộc sống vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn không thể

kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn yêu cầu ly hôn bị đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung:

Theo lời khai của nguyên đơn và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, giữa nguyên đơn và bị đơn có một người con chung tên Liêu Vĩ H (giới tính: nam), sinh ngày 03/9/2009 hiện đang sống chung với bị đơn. Nguyên đơn đồng ý giao cháu H cho bị đơn nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con, bị đơn không có ý kiến gì phản đối về quyền được nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nên giao con chung là cháu Liêu Vĩ H (giới tính: nam), sinh ngày 03/9/2009 hiện đang sống chung với bị đơn cho bị đơn tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu H đủ 18 tuổi (phù hợp với nguyện vọng của cháu H). Do bị đơn không yêu cầu nguyên đơn cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Do nguyên đơn Trương Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[5] Về nợ chung: Do nguyên đơn Trương Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn Trương Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận cho chị Trương Thị T được ly hôn với anh Liêu S.

2. *Về con chung*: Giao cho anh Liêu S được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là cháu Liêu Vĩ H (nam), sinh ngày 03/9/2009 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi (theo nguyện vọng của cháu H). Chị T không cấp dưỡng nuôi con.

Trong thời gian anh Liêu S nuôi dưỡng con chung, không ai được quyền ngăn cản sự thăm nom, chăm sóc, giáo dục của cha mẹ đối với con chung.

Vì quyền lợi về mọi mặt của cháu Liêu Vĩ H, anh Liêu S có thể yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi nghĩa vụ và mức cấp dưỡng cho con; chị T có thể yêu cầu giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Các đương sự thực hiện quyền này theo quy định pháp luật.

3. *Về tài sản chung*: Do chị Trương Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

4. *Về nợ chung*: Do chị Trương Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

5. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Trương Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng chị Trương Thị T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002142 ngày 09/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 – Cần Thơ), chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Chị Trương Thị T và anh Liêu S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP Cần Thơ;
- VKSND khu vực 8-Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 8-Cần Thơ;
- Đương sự;
- UBND xã Thoại Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Hiếu